TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN THÀNH** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18-7-2017
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Châu

2. Bà Đỗ Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Liên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2017/QĐ-HPT ngày 23 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ x, ấp y, xã z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Đỗ Thành N, Địa chỉ: Tổ x, ấp y, xã z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà và ông Đỗ Thành N sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Khải Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức đám cưới. Sau khi chung sống bà và ông N vào sinh sống tại địa chỉ Tổ x, ấp y, xã z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng sống chung

hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 3 năm 2014, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do ông N không chăm lo gia đình mà cờ bạc dẫn đến nợ nần. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông N không nghe dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hằng ngày.

Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đỗ Thành N.

Về con chung: Bà và ông N có 02 con chung tên Đỗ Huy V, sinh ngày 14/7/2011, và cháu Đỗ Hoàng V, sinh ngày 06/9/2014. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con với số tiền 2.000.000 đồng /1con/1 tháng (hai triệu).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà Ngân thay đổi yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền 1.500.000 đồng/1con/1 tháng.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Đỗ Thành N trình bày:

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn theo đúng quy định tại nhưng ông N không đến làm việc, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu thì ông Đỗ Thành N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ x, ấp y, xã z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên.

Do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng, gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên hòa giải, Thông báo Phiên họp kiểm tra giao nộp và tiếp cận công khai đánh giá chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đỗ Thành N theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vẫn không có mặt làm việc, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không chấp hành, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ và kiểm sát tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật*: Bà Nguyễn Thị K yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Thành N, có địa chỉ tại Tổ x, ấp y, xã z, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, quan hệ pháp luật là " *Ly hôn*".

[2]*Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Đối với bị đơn ông Đỗ Thành N đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Thành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 , khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông N là đúng quy định của pháp luật.

[3]*Về điều kiện và quan hệ hôn nhân:* Bà K và ông N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khải Xuân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 01 ngày 14/7/2009 nên hôn nhân giữa Bà K và ông N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn*:

Về tình cảm: Quá trình làm việc tại Tòa án, Bà K cho biết mâu thuẫn giữa bà và ông N phát sinh từ tháng 3 năm 2014, nguyên nhân mâu thuẫn do ông N không chăm lo gia đình mà cờ bạc dẫn đến nợ nần. Bà K đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông N không nghe dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hằng ngày. Đến nay tuy bà và ông N chưa ly thân nhưng không còn quan hệ vợ chồng và không còn tình cảm với nhau.

Tuy Tòa án không thu thập được ý kiến của ông N nhưng theo biên bản xác minh lập ngày 10-4-2017, do ông Lê Văn T, là Tổ trưởng tổ 9, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, cho biết Bà K và ông N sinh sống tại địa phương khoảng 04 năm, đến nay ông bà vẫn chung sống với nhau chưa ly thân. Đến năm 2014, giữa ông N và Bà K phát sinh mâu thuẫn, nguyên do ông N ham mê cờ bạc nợ nần nên vợ chồng thường xích mích trong cuộc sống. Theo Điều 18 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định "*Vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững*" nên việc ông N ham mê cờ bạc, không chăm lo đến gia đình đã ảnh hưởng đến việc xây dựng gia đình cũng như tình cảm vợ chồng giữa Bà K và ông N. Tại phiên tòa, bà Ngân cho biết tuy ông bà chưa ly thân nhưng không còn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Xét hôn nhân của Bà K, ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử

đồng ý cho Bà K được ly hôn với ông N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Đỗ Thành N có 02 con chung, tên các cháu là Đỗ Huy V, sinh ngày 14/7/2011, và cháu Đỗ Hoàng V, sinh ngày 06/9/2014.

Xét nguyện vọng nuôi con của Bà K và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Theo xác minh của Tòa án thì Bà K và ông N đang làm việc cho Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả - Chi nhánh phía nam. Bà K có mức lương cơ bản là 6.045.000 đồng/1 tháng (sáu triệu không trăm bốn mươi lăm), ông N có mức lương cơ bản là 6.975.000 đồng/1 tháng (sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn). Theo ông Lê Văn T, Tổ trưởng tổ 9, ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, cho biết các con chung đang ở cùng ông N và Bà K, các cháu được ông N và Bà K chăm sóc tốt.

Như vậy ông N và Bà K đều có đủ điều kiện chăm sóc con chung, tuy nhiên do Tòa án không ghi nhận được nguyện vọng nuôi con của ông N, nên Hội đồng xét xử đồng ý giao cả 02 con chung cho Bà K nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định "*Cha mẹ không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*", Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2000 quy định về mức cấp dưỡng như sau: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng",* và tại mục 11 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP quy định về mức cấp dưỡng như sau: "*Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý...".* Theo các Phiếu lương của ông N do Công ty cổ phần xi măng CP - Chi nhánh phía Nam cung cấp: Phiếu lương tháng 12-2016 là 7.438.584 đồng, Phiếu lương tháng 01-2017 là 11.878.006 đồng, Phiếu lương tháng 02-2017 là 9.485.264 đồng. Như vậy mức thu nhập trung bình tháng 12/2016, tháng 01/2017 và tháng 02/2017 của ông N là 9.600.618 đồng (chín triệu sáu trăm nghìn sáu trăm mười tám)/1 tháng.

Tại phiên tòa Bà K yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 1.500.000 đồng/1con/1 tháng (một triệu năm trăm nghìn) là phù hợp với khả năng thu nhập và điều kiện của ông N nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa Bà K không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không thiếu nợ ai nên Tòa án không xem xét.

Đối với ông Đỗ Thành N trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên toà hôm nay, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông N không có mặt, không trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cho Tòa án nên được coi từ bỏ quyền bảo vệ mình tại phiên tòa sơ thẩm.

[5] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn Thị K phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm, ông Đỗ Thành N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Đỗ Thành N.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Đỗ Thành N có 02 con chung. Sau khi ly hôn giao 02 con chung: Đỗ Huy V, sinh ngày 14/7/2011, và cháu Đỗ Hoàng V, sinh ngày 06/9/2014 cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi đến khi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Ông Đỗ Thành N cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung số tiền 1.500.000 đồng/1 con/1 tháng.

ông N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của các cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không thiếu nợ ai nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003162 ngày 21/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Đỗ Thành N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn) án phí cấp dưỡng định kỳ.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với những người vắng mặt thì thời hạn

kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày được tính từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND H.Tân Thành;
- THADS H. Tân Thành;
- UBND xã Khải Xuân, H.Thanh Ba, Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Bảo Ngọc